

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA TUYỂN SINH 2020
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2020-2021
(Chính thức)

Lưu ý: mỗi ký tự của dãy 123456789012345...(trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ. Tuần 1 bắt đầu từ ngày 03/08/2020.
Ký tự "1" đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
1	31121860	Tiếng Anh chuyên ngành	20-0101	2	Chữ Văn Tiếp	20ST1	B3-203	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
2	31151137	Dạy dỗ đại cương	20-0101	5	Nguyễn Ngọc Châu	20ST1	B3-303	2	Sáng	1	4	-----123456789-----	
3	31151137	Dạy dỗ đại cương	20-0101	5	Nguyễn Ngọc Châu	20ST1	B3-303	4	Chiều	6	4	-----123456789-----	
4	31151139	Dạy dỗ tuyển tính	20-0101	5	Trương Công Quỳnh	20ST1	B3-203	2	Chiều	6	4	-----123456789-----	
5	31151139	Dạy dỗ tuyển tính	20-0101	5	Trương Công Quỳnh	20ST1	B3-303	6	Sáng	1	4	-----123456789-----	
6	31161248	Giải tích thực một biến	20-0101	6	Phạm Quý Mười	20ST1	B3-103	7	Chiều	6	4	-----123456789-----	
7	31161248	Giải tích thực một biến	20-0101	6	Phạm Quý Mười	20ST1	B3-203	3	Chiều	9	2	-----123456789-----	
8	31161248	Giải tích thực một biến	20-0101	6	Phạm Quý Mười	20ST1	B3-206	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
9	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0101	2	Lê Thị Thanh Bình	20ST1	A5-206	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	
10	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0101	2	Lê Thị Thanh Bình	20ST1	A5-208	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
11	31121860	Tiếng Anh chuyên ngành	20-0121	2	Chữ Văn Tiếp	20ST2	A-301	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
12	31151137	Dạy dỗ đại cương	20-0121	5	Nguyễn Việt Đức	20ST2	B3-306	7	Chiều	6	4	-----123456789-----	
13	31151137	Dạy dỗ đại cương	20-0121	5	Nguyễn Việt Đức	20ST2	B4-04	7	Sáng	1	4	-----123456789-----	
14	31151139	Dạy dỗ tuyển tính	20-0121	5	Trương Công Quỳnh	20ST2	A5-107	3	Sáng	1	4	-----123456789-----	
15	31151139	Dạy dỗ tuyển tính	20-0121	5	Trương Công Quỳnh	20ST2	B4-06	5	Sáng	1	4	-----123456789-----	
16	31161248	Giải tích thực một biến	20-0121	6	Hoàng Nhật Quy	20ST2	A5-107	3	Chiều	6	4	-----123456789-----	
17	31161248	Giải tích thực một biến	20-0121	6	Hoàng Nhật Quy	20ST2	A5-308	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
18	31161248	Giải tích thực một biến	20-0121	6	Hoàng Nhật Quy	20ST2	B3-503	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
19	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0123	2	Vũ Thị Trà	20ST2	A5-206	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
20	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0123	2	Vũ Thị Trà	20ST2	A5-305	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
21	31121860	Tiếng Anh chuyên ngành	20-0122	2	Chữ Văn Tiếp	20ST3	A6-202	5	Chiều	8	3	-----123456789-----	
22	31151137	Dạy dỗ đại cương	20-0122	5	Nguyễn Ngọc Châu	20ST3	B3-503	7	Chiều	6	4	-----123456789-----	
23	31151137	Dạy dỗ đại cương	20-0122	5	Nguyễn Ngọc Châu	20ST3	B4-06	7	Sáng	1	4	-----123456789-----	
24	31151139	Dạy dỗ tuyển tính	20-0122	5	Trương Công Quỳnh	20ST3	A5-107	4	Sáng	1	4	-----123456789-----	
25	31151139	Dạy dỗ tuyển tính	20-0122	5	Trương Công Quỳnh	20ST3	B3-206	6	Chiều	6	4	-----123456789-----	
26	31161248	Giải tích thực một biến	20-0122	6	Lương Quốc Tuyền	20ST3	B3-401	2	Chiều	6	4	-----123456789-----	
27	31161248	Giải tích thực một biến	20-0122	6	Lương Quốc Tuyền	20ST3	B3-406	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
28	31161248	Giải tích thực một biến	20-0122	6	Lương Quốc Tuyền	20ST3	B4-02	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
29	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0122	2	Lê Văn Mỹ	20ST3	A5-206	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
30	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0122	2	Lê Văn Mỹ	20ST3	A5-305	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
31	31121860	Tiếng Anh chuyên ngành	20-0123	2	Chữ Văn Tiếp	20ST4	B3-101	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
32	31151137	Dại số đại cương	20-0123	5	Nguyễn Ngọc Châu	20ST4	A-301	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
33	31151137	Dại số đại cương	20-0123	5	Nguyễn Ngọc Châu	20ST4	A5-402	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
34	31151137	Dại số đại cương	20-0123	5	Nguyễn Ngọc Châu	20ST4	B3-501	4	Sáng	1	2	-----123456789-----	
35	31151139	Dại số tuyến tính	20-0123	5	Trương Công Quỳnh	20ST4	A5-402	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
36	31151139	Dại số tuyến tính	20-0123	5	Trương Công Quỳnh	20ST4	B3-203	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
37	31151139	Dại số tuyến tính	20-0123	5	Trương Công Quỳnh	20ST4	B3-203	7	Chiều	9	2	-----123456789-----	
38	31161248	Giải tích thực một biến	20-0123	6	Phạm Quý Mười	20ST4	A-301	5	Chiều	6	4	-----123456789-----	
39	31161248	Giải tích thực một biến	20-0123	6	Phạm Quý Mười	20ST4	B3-406	6	Sáng	4	2	-----123456789-----	
40	31161248	Giải tích thực một biến	20-0123	6	Phạm Quý Mười	20ST4	B4-02	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	
41	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0124	2	Lê Văn Mỹ	20ST4	A5-207	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
42	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0124	2	Lê Văn Mỹ	20ST4	A5-209	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	
43	31121994	Xác suất thống kê	20-0102	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CNTT1	B3-206	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
44	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0102	3	Phan Quang Như Anh	20CNTT1	B3-102	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
45	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0102	3	Phan Quang Như Anh	20CNTT1	B3-403	5	Chiều	9	2	-----123456789-----	
46	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0102	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT1	A5-208	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
47	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0102	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT1	A5-209	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
48	31231447	Lý thuyết đồ thị	20-0102	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT1	B3-202	Chủ nhật	Sáng	1	5	-----123456789-----	
49	31231905	Toán rời rạc	20-0102	3	Trần Quốc Chiến	20CNTT1	B4-03	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
50	31231905	Toán rời rạc	20-0102	3	Trần Quốc Chiến	20CNTT1	B4-03	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
51	31331980	Vật lý đại cương 2	20-0101	3	Trần Thị Hồng	20CNTT1	B3-103	2	Sáng	1	5	-----123456789-----	
52	31121994	Xác suất thống kê	20-0103	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CNTT2	B3-103	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
53	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0103	3	Phan Quang Như Anh	20CNTT2	A6-302	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
54	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0103	3	Phan Quang Như Anh	20CNTT2	B3-206	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
55	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0103	3	Phạm Anh Phương	20CNTT2	A5-208	6	Sáng	4	2	-----123456789-----	
56	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0103	3	Phạm Anh Phương	20CNTT2	A5-209	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
57	31231447	Lý thuyết đồ thị	20-0103	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT2	B3-302	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
58	31231447	Lý thuyết đồ thị	20-0103	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT2	B3-406	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
59	31231905	Toán rời rạc	20-0103	3	Trần Quốc Chiến	20CNTT2	B4-03	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
60	31231905	Toán rời rạc	20-0103	3	Trần Quốc Chiến	20CNTT2	B4-04	5	Chiều	6	2	-----123456789-----	
61	31331980	Vật lý đại cương 2	20-0102	3	Nguyễn Thị Mỹ Đức	20CNTT2	B3-103	4	Sáng	1	5	-----123456789-----	
62	31121994	Xác suất thống kê	20-0104	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CNTT3	B3-402	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
63	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0104	3	Phan Quang Như Anh	20CNTT3	B3-203	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
64	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0104	3	Phan Quang Như Anh	20CNTT3	B3-506	7	Chiều	9	2	-----123456789-----	
65	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0104	3	Phạm Anh Phương	20CNTT3	A5-207	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
66	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0104	3	Phạm Anh Phương	20CNTT3	A5-209	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
67	31231447	Lý thuyết đồ thị	20-0104	3	Phan Thanh Tao	20CNTT3	A5-206	2	Sáng	1	5	-----123456789-----	
68	31231905	Toán rời rạc	20-0104	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT3	B3-406	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
69	31231905	Toán rời rạc	20-0104	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTT3	B3-503	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
70	31331980	Vật lý đại cương 2	20-0103	3	Đinh Thanh Khản	20CNTT3	B3-103	5	Chiều	6	5	-----123456789-----	
71	31138004	Toán cơ sở	20-0101	3	Hoàng Nhật Quy	20CNTTC	A5-202	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
72	31138004	Toán cơ sở	20-0101	3	Hoàng Nhật Quy	20CNTTC	A5-215	2	Chiều	6	2	-----123456789-----	
73	31138006	Xác suất thống kê	20-0101	3	Nguyễn Thị Hải Yến	20CNTTC	A1-201	3	Sáng	1	2	-----123456789-----	
74	31138006	Xác suất thống kê	20-0101	3	Nguyễn Thị Hải Yến	20CNTTC	A5-202	5	Sáng	1	2	-----123456789-----	
75	31228005	Nhập môn công nghệ thông tin	20-0101	2	Phạm Anh Phương	20CNTTC	A6-301	6	Chiều	8	3	-----123456789-----	
76	31248025	Lập trình cơ sở	20-0101	4	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTC	A5-207	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
77	31248025	Lập trình cơ sở	20-0101	4	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTC	A5-304	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
78	31248027	Toán rời rạc	20-0101	4	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTC	A6-501	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
79	31248027	Toán rời rạc	20-0101	4	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTC	A6-501	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
80	31121994	Xác suất thống kê	20-0105	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CNTTD	B3-104	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
81	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0105	3	Phan Quang Như Anh	20CNTTD	B3-305	6	Chiều	9	2	-----123456789-----	
82	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0105	3	Phan Quang Như Anh	20CNTTD	B3-404	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
83	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0105	3	Phạm Anh Phương	20CNTTD	A5-208	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	
84	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0105	3	Phạm Anh Phương	20CNTTD	A5-208	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
85	31231447	Lý thuyết đồ thị	20-0105	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTD	B3-304	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	
86	31231447	Lý thuyết đồ thị	20-0105	3	Nguyễn Đình Lầu	20CNTTD	B3-504	6	Sáng	3	3	-----123456789-----	
87	31231905	Toán rời rạc	20-0105	3	Trần Văn Hưng	20CNTTD	B3-205	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
88	31231905	Toán rời rạc	20-0105	3	Trần Văn Hưng	20CNTTD	B3-503	3	Chiều	9	2	-----123456789-----	
89	31331980	Vật lý đại cương 2	20-0104	3	Nguyễn Văn Hiếu	20CNTTD	B3-507	3	Sáng	1	5	-----123456789-----	
90	31121994	Xác suất thống kê	20-0101	2	Cao Văn Núi	20SPT	B3-105	5	Chiều	8	3	-----123456789-----	
91	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0101	3	Phan Quang Như Anh	20SPT, 20CTM	A1-102	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	20CTM
92	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0101	3	Phan Quang Như Anh	20SPT, 20CTM	B3-206	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	20CTM
93	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0101	3	Trần Văn Hưng	20SPT	A5-207	3	Sáng	1	2	-----123456789-----	
94	31231389	Lập trình C/C++ căn bản	20-0101	3	Trần Văn Hưng	20SPT	A5-208	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
95	31231447	Lý thuyết đồ thị	20-0101	3	Phan Thanh Tao	20SPT	A5-206	4	Sáng	1	5	-----123456789-----	
96	31231905	Toán rời rạc	20-0101	3	Trần Văn Hưng	20SPT	A6-302	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
97	31231905	Toán rời rạc	20-0101	3	Trần Văn Hưng	20SPT	B3-201	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
98	31242225	Lập trình Python (Tin học đại cương chuyên)	20-0101	4	Lê Viết Chung	20SPT	A5-207	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
99	31242225	Lập trình Python (Tin học đại cương chuyên)	20-0101	4	Lê Viết Chung	20SPT	A5-208	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
100	31141900	Toán cao cấp I	20-0101	4	Hoàng Nhật Quy	20SVL	B3-505	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
101	31141900	Toán cao cấp I	20-0101	4	Hoàng Nhật Quy	20SVL	B3-506	2	Chiều	8	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
102	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0102	2	Vũ Thị Trà	20SVL	A5-206	3	Chiều	6	2	-----123456789-----	
103	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0102	2	Vũ Thị Trà	20SVL	A5-207	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
104	31331508	Nhập môn ngành Sư phạm Vật lý	20-0101	3	Phùng Việt Hải	20SVL	B3-101	4	Chiều	6	5	-----123456789-----	
105	31341069	Cơ học	20-0101	4	Hoàng Đình Triển	20SVL	B3-104	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	
106	31341069	Cơ học	20-0101	4	Hoàng Đình Triển	20SVL	B3-504	2	Sáng	1	4	-----123456789-----	
107	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0102	4	Hồ Thị Thuý Hằng	20SVL	B3-504	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
108	31121614	Phương trình vi phân - sai phân	20-0102	2	Lê Hải Trung	20CHD	B8-01	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
109	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0107	3	Phan Quang Như Anh	20CHD	A1-102	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	
110	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0107	3	Phan Quang Như Anh	20CHD	B3-505	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
111	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0104	2	Lê Văn Mỹ	20CHD	A5-207	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	
112	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0104	2	Lê Văn Mỹ	20CHD	A5-208	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
113	31321979	Vật lý đại cương I	20-0102	2	Mai Thị Kiều Liên	20CHD	B3-304	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
114	31421797	Thực hành hóa đại cương	20-0103	2	Đoàn Văn Dương	20CHD	B2-302	3	Chiều	6	5	-----123456789-----	
115	31421797	Thực hành hóa đại cương	20-0104	2	Đoàn Văn Dương	20CHD	B2-302	4	Sáng	1	5	-----123456789-----	
116	31441299	Hóa đại cương	20-0102	4	Vũ Thị Duyên	20CHD	A1-103	2	Sáng	3	3	-----123456789-----	
117	31441299	Hóa đại cương	20-0102	4	Vũ Thị Duyên	20CHD	A5-403	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
118	31531678	Sinh học đại cương	20-0102	3	Nguyễn Thị Hải Yến	20CHD	B3-205	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
119	31531678	Sinh học đại cương	20-0102	3	Nguyễn Thị Hải Yến	20CHD	B3-304	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
120	31121614	Phương trình vi phân - sai phân	20-0101	2	Lê Hải Trung	20SHH1	B3-505	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
121	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0106	3	Phan Quang Như Anh	20SHH1	B3-305	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
122	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0106	3	Phan Quang Như Anh	20SHH1	B3-306	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
123	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0103	2	Hồ Ngọc Tú	20SHH1	A5-206	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
124	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0103	2	Hồ Ngọc Tú	20SHH1	A5-206	5	Chiều	9	2	-----123456789-----	
125	31321979	Vật lý đại cương I	20-0101	2	Hoàng Đình Triển	20SHH1	B3-201	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
126	31421797	Thực hành hóa đại cương	20-0101	2	Đoàn Văn Dương	20SHH1	B2-302	2	Chiều	6	5	-----123456789-----	
127	31421797	Thực hành hóa đại cương	20-0102	2	Đoàn Văn Dương	20SHH1	B2-302	3	Sáng	1	5	-----123456789-----	
128	31441299	Hóa đại cương	20-0101	4	Lê Tự Hải	20SHH1	B3-504	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
129	31441299	Hóa đại cương	20-0101	4	Lê Tự Hải	20SHH1	B8-01	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
130	31531678	Sinh học đại cương	20-0101	3	Nguyễn Thị Hải Yến	20SHH1	A1-101	6	Chiều	9	2	-----123456789-----	
131	31531678	Sinh học đại cương	20-0101	3	Nguyễn Thị Hải Yến	20SHH1	B3-404	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
132	31121614	Phương trình vi phân - sai phân	20-0103	2	Lê Hải Trung	20SHH2	B3-302	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
133	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0108	3	Phan Quang Như Anh	20SHH2	A6-402	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
134	31131250	Giải tích thực và đại số tuyến tính	20-0108	3	Phan Quang Như Anh	20SHH2	B3-507	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
135	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0125	2	Vũ Thị Trà	20SHH2	A5-208	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
136	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0125	2	Vũ Thị Trà	20SHH2	A5-209	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
137	31321979	Vật lý đại cương I	20-0103	2	Hoàng Đình Triển	20SHH2	A6-402	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
138	31421797	Thực hành hóa đại cương	20-0105	2	Vũ Thị Duyên	20SHH2	B2-205	5	Chiều	6	5	-----123456789-----	
139	31421797	Thực hành hóa đại cương	20-0106	2	Đoàn Văn Dương	20SHH2	B2-205	6	Sáng	1	5	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
140	31441299	Hóa đại cương	20-0103	4	Ngô Thị Mỹ Bình	20SHH2	B3-401	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
141	31441299	Hóa đại cương	20-0103	4	Ngô Thị Mỹ Bình	20SHH2	B3-402	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
142	31531678	Sinh học đại cương	20-0104	3	Nguyễn Tấn Lê	20SHH2	A-301	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
143	31531678	Sinh học đại cương	20-0104	3	Nguyễn Tấn Lê	20SHH2	B3-202	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
144	31121900	Toán cao cấp I	20-0101	2	Hoàng Nhật Quy	20SKT	B3-507	2	Sáng	1	2	-----123456789-----	
145	31421005	Nhập môn ngành Khoa học tự nhiên	20-0101	2	Phùng Việt Hải	20SKT	B3-104	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
146	32031255	Giáo dục học	20-0102	3	Lê Thị Hằng	20SKT	B3-104	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
147	32031255	Giáo dục học	20-0102	3	Lê Thị Hằng	20SKT	B3-401	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
148	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0103	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20SKT	A1-102	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
149	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0103	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20SKT	A1-103	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
150	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0121	2	Nguyễn Hoàng Hải	20SKT	A5-206	6	Chiều	6	5	-----123456789-----	
151	31121994	Xác suất thống kê	20-0107	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CNSH	B3-103	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
152	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0108	2	Đặng Thị Kim Ngân	20CNSH	A5-207	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	
153	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0108	2	Đặng Thị Kim Ngân	20CNSH	A5-208	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
154	31321977	Vật lý đại cương	20-0102	2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	20CNSH	A1-203	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
155	31421181	Hóa hữu cơ	20-0101	2	Trần Đức Mạnh	20CNSH	B8-01	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
156	31521095	Đa dạng sinh học và phát triển bền vững	20-0101	2	Trịnh Đăng Mậu	20CNSH	B3-404	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
157	31521681	Sinh học tế bào	20-0101	2	Võ Châu Tuấn	20CNSH	B3-105	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
158	31521815	Thực hành sinh học tế bào	20-0101	2	Khoa SMT	20CNSH						-----	
159	31531678	Sinh học đại cương	20-0103	3	Phạm Thị Mỹ	20CTM	A1-101	6	Sáng	4	2	-----123456789-----	20CTM
160	31531678	Sinh học đại cương	20-0103	3	Phạm Thị Mỹ	20CTM	B3-504	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	20CTM
161	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0107	2	Trần Văn Hưng	20CTM	A5-207	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
162	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0107	2	Trần Văn Hưng	20CTM	A5-208	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
163	31431299	Hóa đại cương	20-0101	3	Võ Thắng Nguyễn	20CTM	B3-305	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
164	31531336	Khoa học Môi trường	20-0101	3	Nguyễn Văn Khánh	20CTM	A1-103	3	Sáng	1	2	-----123456789-----	
165	31531336	Khoa học Môi trường	20-0101	3	Nguyễn Văn Khánh	20CTM	B3-304	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
166	31921001	Địa lý đại cương	20-0101	2	Đoàn Thị Thông	20CTM	A1-203	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
167	31921136	Đại cương về Trái đất	20-0101	2	Lê Ngọc Hành	20CTM	A1-203	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
168	31121994	Xác suất thống kê	20-0106	2	Cao Văn Nuôi	20SS	B3-505	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
169	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0106	2	Nguyễn Hoàng Hải	20SS	A5-206	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
170	31221885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	20-0106	2	Nguyễn Hoàng Hải	20SS	A5-208	2	Sáng	1	2	-----123456789-----	
171	31321977	Vật lý đại cương	20-0101	2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	20SS	B3-101	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
172	31421299	Hóa đại cương	20-0102	2	Ngô Thị Mỹ Bình	20SS	B8-01	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
173	31531681	Sinh học tế bào	20-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	20SS	A1-102	6	Sáng	1	2	-----123456789-----	
174	31531681	Sinh học tế bào	20-0101	3	Trương Thị Thanh Mai	20SS	B3-205	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
175	31551682	Sinh học thực vật	20-0101	5	Ngô Thị Hoàng Vân	20SS	B3-205	3	Sáng	1	4	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
176	31551682	Sinh học thực vật	20-0101	5	Ngô Thị Hoàng Vân	20SS	B3-405	5	Sáng	1	4	-----123456789-----	
177	31622049	Lịch sử âm nhạc phương Tây	20-0101	2	Hoàng Đình Phương	20SAN	A5-401	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
178	31622051	Kỹ xảo âm 1	20-0101	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	20SAN	C3.101	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
179	31622051	Kỹ xảo âm 1	20-0101	2	Nguyễn Thị Lệ Quyên	20SAN	C3.101	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	
180	31622059	Nhạc cụ phím điện tử 1	20-0101	2	Phan Thị Quỳnh Lam	20SAN	C3.102	6	Sáng	1	5	-----123456789-----	
181	31622064	Thanh nhạc 1	20-0101	2	Nguyễn Hoàng Tịnh Uyên	20SAN	C3.101	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
182	31632047	Nhạc lý 1	20-0101	3	Phan Thị Quỳnh Lam	20SAN	C3.101	4	Sáng	1	2	-----123456789-----	
183	31632047	Nhạc lý 1	20-0101	3	Phan Thị Quỳnh Lam	20SAN	C3.101	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
184	31721133	Đại cương mỹ học	20-0102	2	Nguyễn Phương Khánh	20SAN	A6-503	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
185	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0105	4	Hoàng Thế Hải	20SAN	B3-401	5	Chiều	8	3	-----123456789-----	
186	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0105	4	Hoàng Thế Hải	20SAN	B3-402	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
187	31621003	Nhập môn Giáo dục công dân	20-0101	2	Vương Thị Bích Thủy	20SCD	B3-105	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
188	31641002	Kinh tế học	20-0101	4	Trần Phan Hiếu	20SCD	A6-202	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
189	31641002	Kinh tế học	20-0101	4	Trần Phan Hiếu	20SCD	B3-205	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
190	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0103	2	Lê Đức Luận	20SCD	B3-402	5	Sáng	3	3	-----123456789-----	
191	31821424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0101	2	Trương Anh Thuận	20SCD	A6-202	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
192	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0121	4	Hoàng Thế Hải	20SCD	B3-301	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	TD099
193	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0121	4	Hoàng Thế Hải	20SCD	B3-301	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	TD099
194	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	20-0102	2	Trịnh Đăng Mậu	20SGC	B3-404	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
195	31622021	Lịch sử triết học phương Đông	20-0101	2	Dương Đình Tùng	20SGC	B3-205	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
196	31641902	Triết học Mác - Lênin (chuyên)	20-0101	4	Đinh Thị Phương	20SGC	B3-104	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
197	31641902	Triết học Mác - Lênin (chuyên)	20-0101	4	Đinh Thị Phương	20SGC	B3-204	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
198	31721133	Đại cương mỹ học	20-0101	2	Phạm Thị Thu Hương	20SGC	A5-403	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
199	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0104	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20SGC	B3-404	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
200	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0104	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20SGC	B3-405	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
201	31622017	Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Duy Quý	20SCD	B3-302	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	TD086
202	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0106	2	Lê Đức Luận	20CBC1	B4-03	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
203	31721133	Đại cương mỹ học	20-0104	2	Nguyễn Phương Khánh	20CBC1	B4-03	6	Chiều	8	3	-----123456789-----	
204	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0102	2	Trần Văn Sáng	20CBC1	B3-506	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
205	31722086	Lý thuyết truyền thông	20-0101	2	Trần Thị Hòa	20CBC1	B3-506	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
206	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0102	3	Nguyễn Quang Huy	20CBC1	B4-03	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
207	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0102	3	Nguyễn Quang Huy	20CBC1	B8-01	3	Chiều	9	2	-----123456789-----	
208	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	20-0101	3	Phạm Thị Hương	20CBC1	B4-03	4	Sáng	1	2	-----123456789-----	
209	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	20-0101	3	Phạm Thị Hương	20CBC1	B4-03	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	
210	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0107	2	Lê Đức Luận	20CBC2	B8-01	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
211	31721133	Đại cương mỹ học	20-0105	2	Nguyễn Phương Khánh	20CBC2	B3-506	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
212	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0103	2	Trần Văn Sáng	20CBC2	B4-03	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
213	31722086	Lý thuyết truyền thông	20-0102	2	Trần Thị Hòa	20CBC2	B3-402	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
214	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0103	3	Nguyễn Quang Huy	20CBC2	B4-02	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
215	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0103	3	Nguyễn Quang Huy	20CBC2	B4-03	6	Sáng	4	2	-----123456789-----	
216	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	20-0102	3	Phạm Thị Hương	20CBC2	A6-302	5	Chiều	6	2	-----123456789-----	
217	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	20-0102	3	Phạm Thị Hương	20CBC2	B8-01	5	Chiều	8	3	-----123456789-----	
218	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0123	2	Lê Đức Luận	20CBC3	A5-308	6	Sáng	3	3	-----123456789-----	
219	31721133	Dại cương mỹ học	20-0121	2	Bùi Bích Hạnh	20CBC3	A5-402	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	
220	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0123	2	Trần Văn Sáng	20CBC3	B3-506	2	Chiều	6	2	-----123456789-----	
221	31722086	Lý thuyết truyền thông	20-0121	2	Trần Thị Hòa	20CBC3	A6-302	7	Sáng	3	3	-----123456789-----	
222	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0121	3	Nguyễn Quang Huy	20CBC3	A5-308	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
223	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0121	3	Nguyễn Quang Huy	20CBC3	B3-102	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
224	31732087	Cơ sở lý luận báo chí	20-0121	3	Phạm Thị Hương	20CBC3	A5-107	2	Sáng	1	5	-----123456789-----	
225	31728001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0101	2	Lê Đức Luận	20CBCC	A6-301	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
226	31728002	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0101	2	Trần Văn Sáng	20CBCC	A6-501	2	Chiều	8	3	-----123456789-----	
227	31728003	Dại cương mỹ học	20-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	20CBCC	A1-201	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
228	31728005	Dại cương văn học nước ngoài	20-0101	2	Nguyễn Phương Khánh	20CBCC	A6-301	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
229	31728006	Lý thuyết truyền thông	20-0101	2	Trần Thị Hòa	20CBCC	A6-401	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
230	31738004	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Quang Huy	20CBCC	A5-215	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
231	31738004	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Quang Huy	20CBCC	A5-215	7	Chiều	9	2	-----123456789-----	
232	31738007	Cơ sở lý luận báo chí	20-0101	3	Phạm Thị Hương	20CBCC	A6-401	6	Sáng	1	2	-----123456789-----	
233	31738007	Cơ sở lý luận báo chí	20-0101	3	Phạm Thị Hương	20CBCC	A6-401	6	Sáng	3	3	-----123456789-----	
234	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0105	2	Lê Đức Luận	20CVH	B4-06	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
235	31721133	Dại cương mỹ học	20-0103	2	Bùi Bích Hạnh	20CVH	B3-302	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
236	31721873	Tiếng Việt thực hành	20-0102	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CVH	B3-303	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
237	31721993	Xã hội học đại cương	20-0102	2	Trần Ái Vân	20CVH	B4-06	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
238	31731140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0101	3	Trần Văn Sáng	20CVH	A1-204	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
239	31731140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0101	3	Trần Văn Sáng	20CVH	B4-03	7	Chiều	9	2	-----123456789-----	
240	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0102	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20CVH	A6-202	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
241	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0102	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20CVH	B3-501	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
242	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0101	2	Hoàng Hoài Thương	20CVH	B3-405	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
243	31721873	Tiếng Việt thực hành	20-0103	2	Hồ Trần Ngọc Oanh	20CVHH	B3-403	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
244	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	20CVHH	A1-103	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
245	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	20CVHH	B3-403	3	Chiều	6	2	-----123456789-----	
246	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Quang Huy	20CVHH	B3-505	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	
247	31731420	Lịch sử văn học Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Quang Huy	20CVHH	B4-06	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
248	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0101	3	Hoàng Hoài Thương	20CVHH	B3-305	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
249	31831421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0101	3	Hoàng Hoài Thương	20CVHH	B3-504	5	Chiều	9	2	-----123456789-----	
250	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0101	3	Nguyễn Minh Phương	20CVHH	B3-204	5	Chiều	6	2	-----123456789-----	
251	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0101	3	Nguyễn Minh Phương	20CVHH	B3-305	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
252	31931191	Địa lý Việt Nam	20-0103	3	Hoàng Thị Diệu Hương	20CVHH	B3-105	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
253	31931191	Địa lý Việt Nam	20-0103	3	Hoàng Thị Diệu Hương	20CVHH	B3-402	4	Sáng	1	2	-----123456789-----	
254	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0104	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV1	A6-503	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
255	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0101	2	Trần Văn Sáng	20SNV1	B3-503	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
256	31721142	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	20-0101	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV1	B3-503	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
257	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV1	A6-202	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
258	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0101	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV1	B3-501	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
259	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0101	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV1	B3-503	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
260	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0101	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV1	B4-06	3	Chiều	6	2	-----123456789-----	
261	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0107	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20SNV1	B3-507	2	Chiều	8	3	-----123456789-----	
262	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0107	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20SNV1	B3-507	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
263	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0121	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV2	A5-308	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
264	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0121	2	Trần Văn Sáng	20SNV2	B3-507	2	Sáng	3	3	-----123456789-----	
265	31721142	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	20-0121	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV2	B4-04	5	Chiều	8	3	-----123456789-----	
266	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0121	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV2	B3-301	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
267	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0121	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV2	B3-501	6	Sáng	4	2	-----123456789-----	
268	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0121	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV2	B3-303	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
269	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0121	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV2	B3-403	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
270	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0124	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20SNV2	A-301	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
271	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0124	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20SNV2	B3-101	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
272	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0122	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV3	A5-107	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
273	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0122	2	Trần Văn Sáng	20SNV3	B3-403	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
274	31721142	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	20-0122	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV3	B3-402	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
275	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0122	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV3	A5-308	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
276	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0122	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV3	B3-502	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
277	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0122	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV3	B3-202	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	
278	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0122	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV3	B3-302	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
279	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0122	4	Hoàng Thế Hải	20SNV3	A5-308	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
280	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0122	4	Hoàng Thế Hải	20SNV3	B8-01	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
281	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0125	2	Nguyễn Thanh Trường	20SNV4	B3-203	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
282	31721140	Dẫn luận ngôn ngữ học	20-0124	2	Trần Văn Sáng	20SNV4	B3-401	2	Sáng	1	2	-----123456789-----	
283	31721142	Dẫn luận văn học trung đại Việt Nam	20-0123	2	Nguyễn Quang Huy	20SNV4	A-301	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
284	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0123	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV4	A5-308	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	
285	31731506	Nhập môn lý luận văn học	20-0123	3	Nguyễn Thanh Trường	20SNV4	B3-301	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
286	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0123	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV4	A5-308	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
287	31731958	Văn học dân gian Việt Nam	20-0123	3	Đàm Nghĩa Hiếu	20SNV4	B3-507	3	Chiều	9	2	-----123456789-----	
288	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0123	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20SNV4	A-301	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
289	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0123	4	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20SNV4	A5-402	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
290	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0102	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH1	B3-506	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
291	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0102	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH1	B4-03	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
292	31821132	Dại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	20-0101	2	Trần Thị Mai An	20CVNH1	B3-202	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
293	31821416	Lịch sử thế giới đại cương	20-0102	2	Trương Trung Phương	20CVNH1	B4-04	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
294	31821505	Nhập môn Khoa học du lịch	20-0101	2	Trần Thị Mai An	20CVNH1	B3-506	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
295	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0102	3	Nguyễn Minh Phương	20CVNH1	A6-302	4	Chiều	8	3	-----123456789-----	
296	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0102	3	Nguyễn Minh Phương	20CVNH1	A6-503	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	
297	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	20-0101	3	Tăng Chánh Tín	20CVNH1	B3-203	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
298	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	20-0101	3	Tăng Chánh Tín	20CVNH1	B3-302	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	
299	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0103	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH2	B3-401	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
300	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0103	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNH2	B4-04	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
301	31821132	Dại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	20-0102	2	Trần Thị Mai An	20CVNH2	A6-302	5	Chiều	8	3	-----123456789-----	
302	31821416	Lịch sử thế giới đại cương	20-0103	2	Đặng Thị Thùy Dương	20CVNH2	B4-03	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
303	31821505	Nhập môn Khoa học du lịch	20-0102	2	Trần Thị Mai An	20CVNH2	B3-103	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
304	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0103	3	Nguyễn Duy Phương	20CVNH2	B3-103	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	
305	31831424	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0103	3	Nguyễn Duy Phương	20CVNH2	B4-04	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
306	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	20-0102	3	Tăng Chánh Tín	20CVNH2	B3-102	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
307	31831939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	20-0102	3	Tăng Chánh Tín	20CVNH2	B3-503	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
308	31738001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNHC	A6-401	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	
309	31738001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0101	3	Lê Thị Thu Hiền	20CVNHC	A6-401	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
310	31738017	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	20-0101	3	Tăng Chánh Tín	20CVNHC	A6-301	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
311	31738017	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	20-0101	3	Tăng Chánh Tín	20CVNHC	A6-401	7	Chiều	9	2	-----123456789-----	
312	31828013	Lịch sử thế giới đại cương	20-0101	2	Trương Trung Phương	20CVNHC	A6-301	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
313	31828014	Dại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	20-0101	2	Trần Thị Mai An	20CVNHC	A6-501	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
314	31828016	Nhập môn Khoa học du lịch	20-0101	2	Trần Thị Mai An	20CVNHC	A1-201	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
315	31838015	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0101	3	Nguyễn Duy Phương	20CVNHC	A6-301	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
316	31838015	Lịch sử Việt Nam đại cương	20-0101	3	Nguyễn Duy Phương	20CVNHC	A6-301	6	Sáng	3	3	-----123456789-----	
317	31838067	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	20-0101	3	Trần Thị Mai An	20CVNHC	A6-501	2	Chiều	6	2	-----123456789-----	
318	31838067	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	20-0101	3	Trần Thị Mai An	20CVNHC	A6-501	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
319	31524922	Khoa học môi trường đại cương	20-0101	2	Nguyễn Thị Tường Vi	20SLD	B3-505	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
320	31821001	Nhập môn khoa học xã hội (Lịch sử-Địa lý)	20-0101	2	Trương Anh Thuận	20SLD	A6-501	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
321	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0104	2	Nguyễn Văn Sang	20SLD	A6-403	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
322	31831415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	20-0101	3	Lê Thị Mai	20SLD	B3-205	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	
323	31831415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	20-0101	3	Lê Thị Mai	20SLD	B3-505	6	Sáng	2	3	-----123456789-----	
324	31831423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	20-0101	3	Trương Anh Thuận	20SLD	A5-407	5	Chiều	9	2	-----123456789-----	
325	31831423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	20-0101	3	Trương Anh Thuận	20SLD	B3-305	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
326	31921022	Bản đồ học đại cương	20-0101	2	Nguyễn Thị Diệu	20SLD	B3-505	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
327	31942146	Địa lý tự nhiên đại cương	20-0101	4	Lê Ngọc Hành	20SLD	B3-104	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
328	31942146	Địa lý tự nhiên đại cương	20-0101	4	Lê Ngọc Hành	20SLD	B3-303	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
329	31821421	Lịch sử văn minh thế giới	20-0121	2	Đặng Thị Thủy Dương	20SLS, 20CLS	B3-404	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	TD095
330	31831502	Nhân học đại cương	20-0101	3	Trần Thị Mai An	20SLS, 20CLS	A6-403	5	Chiều	6	2	-----123456789-----	TD094
331	31831502	Nhân học đại cương	20-0101	3	Trần Thị Mai An	20SLS, 20CLS	B3-505	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	TD094
332	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	20-0101	4	Lê Thị Mai	20SLS, 20CLS	B3-404	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	TD093
333	31841415	Lịch sử thế giới cổ trung đại	20-0101	4	Lê Thị Mai	20SLS, 20CLS	B3-404	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	TD093
334	31841509	Nhập môn sử học và Lịch sử sử học	20-0101	4	Trương Anh Thuận	20SLS, 20CLS	A5-401	7	Chiều	6	4	-----123456789-----	TD091
335	31841509	Nhập môn sử học và Lịch sử sử học	20-0101	4	Trương Anh Thuận	20SLS, 20CLS	B3-504	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	TD091
336	31851423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	20-0101	5	Trương Anh Thuận	20SLS, 20CLS	A6-403	6	Chiều	6	5	-----123456789-----	TD092
337	31851423	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	20-0101	5	Trương Anh Thuận	20SLS, 20CLS	B3-204	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	TD092
338	31121765	Thống kê thực hành	20-0101	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CDDL1	B3-303	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
339	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0104	3	Nguyễn Hoàng Thân	20CDDL1	B3-506	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
340	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0104	3	Nguyễn Hoàng Thân	20CDDL1	B4-02	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
341	31821708	Tài nguyên du lịch	20-0101	2	Đoàn Thị Thông	20CDDL1	B4-03	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
342	31921177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương I	20-0101	2	Đoàn Thị Thông	20CDDL1	B3-501	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
343	31921185	Địa lý tự nhiên đại cương I	20-0102	2	Lê Ngọc Hành	20CDDL1	B4-04	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
344	31921337	Khoa học môi trường đại cương	20-0101	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	20CDDL1	B8-01	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
345	31921912	Tổng quan du lịch	20-0101	2	Trương Phước Minh	20CDDL1	B3-201	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
346	32031711	Tâm lý học	20-0101	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CDDL1	B3-306	3	Sáng	1	2	-----123456789-----	
347	32031711	Tâm lý học	20-0101	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CDDL1	B3-306	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
348	31121765	Thống kê thực hành	20-0102	2	Nguyễn Thị Hải Yến	20CDDL2	B3-203	5	Sáng	3	3	-----123456789-----	
349	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0105	3	Nguyễn Hoàng Thân	20CDDL2	A6-302	3	Chiều	8	2	-----123456789-----	
350	31731091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0105	3	Nguyễn Hoàng Thân	20CDDL2	B4-02	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
351	31821708	Tài nguyên du lịch	20-0102	2	Đoàn Thị Thông	20CDDL2	B3-306	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
352	31921177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương I	20-0102	2	Đoàn Thị Thông	20CDDL2	B3-301	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
353	31921185	Địa lý tự nhiên đại cương I	20-0103	2	Lê Ngọc Hành	20CDDL2	B3-206	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
354	31921337	Khoa học môi trường đại cương	20-0102	2	Nguyễn Thị Kim Thoa	20CDDL2	B3-306	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
355	31921912	Tổng quan du lịch	20-0102	2	Trương Phước Minh	20CDDL2	B3-301	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
356	32031711	Tâm lý học	20-0102	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CDDL2	B3-306	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
357	32031711	Tâm lý học	20-0102	3	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CDDL2	B8-01	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
358	31921185	Địa lý tự nhiên đại cương I	20-0101	2	Lê Ngọc Hành	20SDL	B3-405	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
359	31921976	Vật lý cho Địa lý	20-0101	2	Nguyễn Thị Minh Ngọc	20SDL	B3-105	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
360	31931022	Bản đồ học đại cương	20-0101	3	Nguyễn Thị Diệu	20SDL	A1-101	3	Chiều	9	2	-----123456789-----	
361	31931022	Bản đồ học đại cương	20-0101	3	Nguyễn Thị Diệu	20SDL	B3-505	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
362	31931167	Địa chất học	20-0101	3	Trương Phước Minh	20SDL	B3-103	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
363	31931167	Địa chất học	20-0101	3	Trương Phước Minh	20SDL	B3-405	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
364	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Thị Kim Thoa	20SDL	B3-405	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
365	31931954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	20-0101	3	Nguyễn Thị Kim Thoa	20SDL	B3-505	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	
366	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0108	4	Hồ Thị Thuý Hằng	20SDL	B3-206	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
367	32041719	Tâm lý học giáo dục	20-0108	4	Hồ Thị Thuý Hằng	20SDL	B3-305	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
368	32021370	Kỹ năng giao tiếp	20-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CTL1	B3-405	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
369	32021371	Kỹ năng học tập	20-0101	2	Hoàng Thế Hải	20CTL1	B3-405	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
370	32021374	Kỹ năng tổ chức hoạt động đội nhóm	20-0101	2	Dương Thị Thu Thủy	20CTL1	B3-405	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
371	32021429	Logic học	20-0103	2	Dương Đình Tùng	20CTL1	B3-206	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
372	32021714	Tâm lý học đại cương 1	20-0101	2	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL1	A6-403	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
373	32031413	Lịch sử tâm lý học	20-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL1	B3-302	3	Chiều	9	2	-----123456789-----	
374	32031413	Lịch sử tâm lý học	20-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL1	B3-507	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
375	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	20-0101	4	Nguyễn Công Thủy Trâm	20CTL1	B3-405	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
376	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	20-0101	4	Nguyễn Công Thủy Trâm	20CTL1	B3-503	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
377	32021370	Kỹ năng giao tiếp	20-0121	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CTL2	A5-107	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
378	32021371	Kỹ năng học tập	20-0121	2	Nguyễn Thị Trâm Anh	20CTL2	B3-503	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
379	32021374	Kỹ năng tổ chức hoạt động đội nhóm	20-0121	2	Dương Thị Thu Thủy	20CTL2	A5-107	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
380	32021429	Logic học	20-0121	2	Dương Đình Tùng	20CTL2	B4-06	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
381	32021714	Tâm lý học đại cương 1	20-0121	2	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL2	B3-507	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
382	32031413	Lịch sử tâm lý học	20-0121	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL2	B3-403	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	
383	32031413	Lịch sử tâm lý học	20-0121	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTL2	B3-502	2	Chiều	8	3	-----123456789-----	
384	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	20-0121	4	Nguyễn Công Thủy Trâm	20CTL2	B3-403	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
385	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	20-0121	4	Nguyễn Công Thủy Trâm	20CTL2	B4-02	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
386	31548002	Giải phẫu sinh lý và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	20-0101	4	Nguyễn Công Thủy Trâm	20CTLC	A6-301	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
387	31548002	Giải phẫu sinh lý và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	20-0101	4	Nguyễn Công Thủy Trâm	20CTLC	A6-401	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
388	31628001	Logic học	20-0101	2	Dương Đình Tùng	20CTLC	A6-501	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
389	32028001	Kỹ năng tổ chức hoạt động đội nhóm	20-0101	2	Dương Thị Thu Thủy	20CTLC	A6-301	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
390	32028003	Tâm lý học đại cương 1	20-0101	2	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTLC	A6-501	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
391	32028004	Kỹ năng học tập	20-0101	2	Hoàng Thế Hải	20CTLC	A6-401	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
392	32028020	Kỹ năng giao tiếp	20-0101	2	Nguyễn Thị Bích Hạnh	20CTLC	A5-215	6	Sáng	3	3	-----123456789-----	
393	32038002	Lịch sử tâm lý học	20-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTLC	A5-215	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
394	32038002	Lịch sử tâm lý học	20-0101	3	Bùi Thị Thanh Diệu	20CTLC	A6-401	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
395	31731993	Xã hội học đại cương	20-0101	3	Hà Văn Hoàng	20CTXH	B3-501	3	Chiều	9	2	-----123456789-----	
396	31731993	Xã hội học đại cương	20-0101	3	Hà Văn Hoàng	20CTXH	B4-06	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
397	32021371	Kỹ năng học tập	20-0102	2	Nguyễn Thị Hằng Phương	20CTXH	A6-403	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
398	32031256	Giáo dục học đại cương	20-0101	3	Lê Thị Hằng	20CTXH	A6-402	3	Chiều	6	2	-----123456789-----	
399	32031256	Giáo dục học đại cương	20-0101	3	Lê Thị Hằng	20CTXH	A6-402	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
400	32031504	Nhập môn công tác xã hội	20-0101	3	Phạm Thị Kiều Duyên	20CTXH	B3-105	2	Sáng	1	5	-----123456789-----	
401	32031713	Tâm lý học đại cương	20-0101	3	Nguyễn Thị Phương Trang	20CTXH	B3-101	5	Chiều	9	2	-----123456789-----	
402	32031713	Tâm lý học đại cương	20-0101	3	Nguyễn Thị Phương Trang	20CTXH	B4-04	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
403	32031788	Thực hành công tác Đoàn-Hội trong phát triển cộng đồng	20-0101	3	Dương Thị Thu Thủy	20CTXH	A6-403	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
404	32031788	Thực hành công tác Đoàn-Hội trong phát triển cộng đồng	20-0101	3	Dương Thị Thu Thủy	20CTXH	B3-304	6	Chiều	9	2	-----123456789-----	
405	31231456	Mạng máy tính	20-0101	3	Lê Văn Mỹ	20STC	A6-403	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
406	31231456	Mạng máy tính	20-0101	3	Lê Văn Mỹ	20STC	B3-404	3	Sáng	4	2	-----123456789-----	
407	31521014	Môi trường và phát triển bền vững	20-0103	2	Phan Thị Hoa	20STC	A6-302	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
408	32021258	Giáo dục học tiểu học (1)	20-0103	2	Bùi Văn Vân	20STC	A6-503	3	Chiều	8	3	-----123456789-----	
409	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0103	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20STC	A6-501	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
410	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0103	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20STC	A6-501	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
411	32224010	Cơ sở Toán học của môn Toán ở tiểu học	20-0101	2	Nguyễn Thị Mai Thủy	20STC	A6-403	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
412	32224017	Cơ sở Việt ngữ của việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	20-0101	2	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STC	A6-302	2	Chiều	8	3	-----123456789-----	
413	32231017	Toán rời rạc ứng dụng trong Tin học và Công nghệ Tiểu học	20-0101	3	Hoàng Nam Hải	20STC	B3-303	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
414	32021258	Giáo dục học tiểu học (1)	20-0101	2	Bùi Văn Vân	20STH1	A6-503	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
415	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0101	4	Lê Mỹ Dung	20STH1	A6-403	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
416	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0101	4	Lê Mỹ Dung	20STH1	B3-204	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
417	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	20-0101	2	Hoàng Nam Hải	20STH1	A6-503	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
418	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	20-0101	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	20STH1	A1-101	4	Sáng	4	2	-----123456789-----	
419	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	20-0101	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	20STH1	B3-204	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
420	32241093	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0101	4	Lê Sao Mai	20STH1	B3-204	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
421	32241093	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0101	4	Lê Sao Mai	20STH1	B3-502	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
422	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0101	4	Võ Thị Bảy	20STH1	B3-202	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
423	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0101	4	Võ Thị Bảy	20STH1	B4-06	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
424	32021258	Giáo dục học tiểu học (1)	20-0102	2	Bùi Văn Vân	20STH2	A6-502	2	Sáng	3	3	-----123456789-----	
425	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0102	4	Lê Mỹ Dung	20STH2	A6-503	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
426	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0102	4	Lê Mỹ Dung	20STH2	B3-503	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
427	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	20-0102	2	Hoàng Nam Hải	20STH2	B3-102	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
428	32231088	Cơ sở Toán học 1 của môn Toán ở tiểu học	20-0102	3	Nguyễn Thị Mai Thủy	20STH2	B3-502	3	Chiều	6	5	-----123456789-----	
429	32241093	Cơ sở Việt ngữ 1 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0102	4	Lê Sao Mai	20STH2	A6-503	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
430	32241093	Cơ sở Việt ngữ I của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0102	4	Lê Sao Mai	20STH2	B3-507	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
431	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0102	4	Lê Văn Trung	20STH2	A6-202	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
432	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0102	4	Lê Văn Trung	20STH2	B3-202	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
433	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0121	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20STH3	B3-507	2	Chiều	6	2	-----123456789-----	
434	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0121	4	Nguyễn Thị Phương Trang	20STH3	B4-02	7	Sáng	1	4	-----123456789-----	
435	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	20-0121	2	Hoàng Nam Hải	20STH3	A5-308	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
436	32231088	Cơ sở Toán học I của môn Toán ở tiểu học	20-0121	3	Nguyễn Văn Thà	20STH3	A5-402	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
437	32231088	Cơ sở Toán học I của môn Toán ở tiểu học	20-0121	3	Nguyễn Văn Thà	20STH3	A6-402	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
438	32241093	Cơ sở Việt ngữ I của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0121	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH3	A5-107	5	Sáng	3	3	-----123456789-----	
439	32241093	Cơ sở Việt ngữ I của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0121	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH3	B3-502	2	Sáng	3	3	-----123456789-----	
440	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0121	4	Võ Thị Bảy	20STH3	A-301	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
441	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0121	4	Võ Thị Bảy	20STH3	A5-308	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
442	32021258	Giáo dục học tiểu học (1)	20-0104	2	Bùi Văn Vân	20STH4	A5-107	6	Sáng	3	3	-----123456789-----	
443	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0122	4	Lê Mỹ Dung	20STH4	B3-101	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
444	32041729	Tâm lý học Sư phạm tiểu học	20-0122	4	Lê Mỹ Dung	20STH4	B3-303	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
445	32221155	Nhập môn Giáo dục Tiểu học	20-0122	2	Hoàng Nam Hải	20STH4	B3-203	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
446	32231088	Cơ sở Toán học I của môn Toán ở tiểu học	20-0122	3	Nguyễn Văn Thà	20STH4	B3-502	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
447	32231088	Cơ sở Toán học I của môn Toán ở tiểu học	20-0122	3	Nguyễn Văn Thà	20STH4	B8-01	2	Sáng	4	2	-----123456789-----	
448	32241093	Cơ sở Việt ngữ I của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0122	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH4	B3-102	3	Sáng	1	3	-----123456789-----	
449	32241093	Cơ sở Việt ngữ I của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	20-0122	4	Nguyễn Thị Thuý Nga	20STH4	B3-403	4	Sáng	1	3	-----123456789-----	
450	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0122	4	Võ Thị Bảy	20STH4	B3-206	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
451	32241967	Văn học thiếu nhi	20-0122	4	Võ Thị Bảy	20STH4	B3-502	7	Sáng	3	3	-----123456789-----	
452	31521470	Môi trường và con người	20-0101	2	Nguyễn Thị Tường Vi	20SMN1	A5-403	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
453	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0108	2	Nguyễn Thanh Trường	20SMN1	B3-501	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
454	32321256	Giáo dục học đại cương	20-0101	2	Lê Thị Hằng	20SMN1	B3-501	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	
455	32321903	Toán cơ sở	20-0101	2	Nguyễn Nam Hải	20SMN1	B3-203	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
456	32321968	Văn học trẻ em	20-0101	2	Lê Văn Trung	20SMN1	B3-501	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
457	32331687	Sinh lý học trẻ em	20-0101	3	Nguyễn Công Thùy Trâm	20SMN1	B3-102	7	Sáng	4	2	-----123456789-----	
458	32331687	Sinh lý học trẻ em	20-0101	3	Nguyễn Công Thùy Trâm	20SMN1	B3-306	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
459	32331872	Tiếng Việt	20-0101	3	Lê Thị Thanh Nhân	20SMN1	B3-103	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
460	32331872	Tiếng Việt	20-0101	3	Lê Thị Thanh Nhân	20SMN1	B3-203	4	Chiều	9	2	-----123456789-----	
461	32341734	Tâm lý học trẻ em	20-0101	4	Bùi Thị Thanh Diệu	20SMN1	B3-301	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
462	32341734	Tâm lý học trẻ em	20-0101	4	Bùi Thị Thanh Diệu	20SMN1	B3-501	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
463	31521470	Môi trường và con người	20-0102	2	Nguyễn Thị Tường Vi	20SMN2	B3-501	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	

Stt	Mã HP	Tên HP	Nhóm HP	TC	Giảng viên	Lớp HP	Phòng	Thứ	Buổi	Tiết bắt đầu	Số tiết	Tuần	Lớp ghép
												123456789012345678901234	
464	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0109	2	Nguyễn Thanh Trường	20SMN2	B3-401	2	Sáng	3	3	-----123456789-----	
465	32321256	Giáo dục học đại cương	20-0102	2	Lê Thị Hằng	20SMN2	B3-401	5	Sáng	1	3	-----123456789-----	
466	32321903	Toán cơ sở	20-0102	2	Nguyễn Nam Hải	20SMN2	B3-203	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	
467	32321968	Văn học trẻ em	20-0102	2	Võ Thị Bay	20SMN2	B3-301	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	
468	32331687	Sinh lý học trẻ em	20-0102	3	Nguyễn Công Thủy Trâm	20SMN2	B3-401	4	Sáng	1	2	-----123456789-----	
469	32331687	Sinh lý học trẻ em	20-0102	3	Nguyễn Công Thủy Trâm	20SMN2	B3-506	6	Chiều	6	3	-----123456789-----	
470	32331872	Tiếng Việt	20-0102	3	Lê Thị Thanh Nhân	20SMN2	A6-403	5	Sáng	4	2	-----123456789-----	
471	32331872	Tiếng Việt	20-0102	3	Lê Thị Thanh Nhân	20SMN2	B3-301	4	Chiều	6	3	-----123456789-----	
472	32341734	Tâm lý học trẻ em	20-0102	4	Bùi Thị Thanh Diệu	20SMN2	B3-303	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
473	32341734	Tâm lý học trẻ em	20-0102	4	Bùi Thị Thanh Diệu	20SMN2	B3-306	6	Sáng	1	3	-----123456789-----	
474	31521470	Môi trường và con người	20-0121	2	Phùng Khánh Chuyên	20SMN3	B3-302	7	Chiều	6	3	-----123456789-----	
475	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	20-0124	2	Nguyễn Thanh Trường	20SMN3	B3-303	6	Chiều	9	2	-----123456789-----	
476	32321256	Giáo dục học đại cương	20-0121	2	Lê Thị Hằng	20SMN3	A5-107	7	Sáng	1	3	-----123456789-----	
477	32321903	Toán cơ sở	20-0121	2	Nguyễn Nam Hải	20SMN3	A-301	3	Chiều	6	3	-----123456789-----	
478	32321968	Văn học trẻ em	20-0121	2	Lê Văn Trung	20SMN3	B3-203	5	Chiều	6	3	-----123456789-----	
479	32331687	Sinh lý học trẻ em	20-0122	3	Nguyễn Công Thủy Trâm	20SMN3	A5-403	5	Chiều	9	2	-----123456789-----	
480	32331687	Sinh lý học trẻ em	20-0122	3	Nguyễn Công Thủy Trâm	20SMN3	B3-402	4	Sáng	3	3	-----123456789-----	
481	32331872	Tiếng Việt	20-0121	3	Lê Thị Thanh Nhân	20SMN3	A6-202	3	Sáng	3	3	-----123456789-----	
482	32331872	Tiếng Việt	20-0121	3	Lê Thị Thanh Nhân	20SMN3	B3-402	2	Chiều	9	2	-----123456789-----	
483	32341734	Tâm lý học trẻ em	20-0121	4	Hồ Thị Thuý Hằng	20SMN3	A5-308	2	Sáng	1	3	-----123456789-----	
484	32341734	Tâm lý học trẻ em	20-0121	4	Hồ Thị Thuý Hằng	20SMN3	B3-403	2	Chiều	6	3	-----123456789-----	

Ghi chú

- Các mốc thời gian đi thực tập, thực tế thiên nhiên, kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, nghỉ tết, ... theo kế hoạch năm học 2020-2021. Những lớp HP bố trí còn thiếu số tiết trong Thời khóa biểu, Giảng viên tự bố trí dạy
- Đối với các học phần thành giảng, mỗi giảng: các Khoa lập tờ trình (kèm hồ sơ mỗi giảng theo quy định 2823/QĐ-DHĐN) gửi về phòng Đào tạo trong tuần thực học đầu tiên để tổng hợp và trình Lãnh đạo
- Giảng viên, Sinh viên xem Thời khóa biểu cá nhân tại website: <http://qlht.ued.udn.vn>.

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2020

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO


TS. Phan Đức Tuấn